

, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
...oOo...

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04-STT/MCM/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.**

Địa chỉ: Số 912, đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 02123. 866065.

Email: Mocchaumilk@mcmilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5500154060

Số giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn FSSC 22000: VN011682 do Công ty TNHH Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận và cấp ngày 21/02/2024.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: Sữa tươi thanh trùng có đường – nhãn hiệu Mộc Châu Milk

2. Thành phần: Sữa tươi (96,4%), đường (3,5%), hương sữa tổng hợp dùng cho thực phẩm.

Thông tin cảnh báo: Có chứa sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Hạn sử dụng: Xem trên hộp.

Ngày sản xuất: 20 ngày trước hạn sử dụng (Không bao gồm ngày sản xuất).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực 450 ml/hộp và 900 ml/hộp.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp nhựa PE đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm.

Sản xuất tại Việt Nam bởi Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

Địa chỉ: Số 912, đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Phụ lục đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 5-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức quy định
1	Hàm lượng Protein sữa	%	$\geq 2,7$
2	Tỷ trọng ở 20°C	g/ml	≥ 1.026
3	Hiệu quả thanh trùng		Đạt yêu cầu pp thử

+ Giới hạn các chất nhiễm bẩn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,02
2	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
3	Hàm lượng Aldrin	mg/kg	0,006
4	Hàm lượng Benzyl penicilin	µg/kg	4
5	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	100
6	Hàm lượng Cyfluthrin	mg/kg	0,04
7	Hàm lượng DDT	mg/kg	0,02
8	Hàm lượng Dieldrin	mg/kg	0,006
9	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	200
10	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	0,01
11	Hàm lượng Gentamicin	µg/kg	200
12	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	100
13	Hàm lượng Procaine Benzylpenicilin	µg/kg	4
14	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	200
15	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	200
16	Hàm lượng Tetracyclin	µg/kg	100

+ Chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	< 1
2	Listeria monocytogenes	CFU/g	≤ 100

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 04:2025/STT-MCM.



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Mộc Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam



NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam

NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 30681/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: Sữa tươi thanh trùng có đường – nhãn hiệu Mộc Châu Milk
- Mã số mẫu: 05258015/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 5.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 22/05/2025
- Thời gian thử nghiệm: 22/05/2025 - 18/06/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CP GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
Địa chỉ: Số 912 đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên,
Thị xã Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Enterobacteriaceae	CFU/mL	ISO 21528-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.2*	Listeria monocytogenes	CFU/mL	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.3*	Hàm lượng Carbohydrat tổng số	g/100mL	AOAC 986.25	8,64
9.4*	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)	g/100mL	AOAC 2020.07	7,86
9.5*	Hàm lượng Chất béo sữa	g/100mL	TCVN 6508:2011	3,65
9.6*	Hàm lượng Chất đạm	g/100mL	TCVN 8099-1:2015	3,27
9.7*	Hàm lượng Đường tổng số (fructose, glucose, galactose, sucrose, maltose, lactose)	g/100mL	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	7,67
9.8	Hiệu quả thanh trùng	-	TCVN 5860:2019	Đạt yêu cầu
9.9	Năng lượng (tính từ Chất đạm, Chất béo sữa, Carbohydrate không bao gồm chất xơ)	kcal/100mL	NIFC.02.M.06	77,4
9.10*	Tỷ trọng ở 20 °C	-	NIFC.05.M.197	1,044
9.11*	Hàm lượng Tetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.12*	Hàm lượng Melamin	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,05)
9.13*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,007)
9.14*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.15*	Hàm lượng Calci	mg/100mL	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	119

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.16*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.17*	Hàm lượng Natri	mg/100mL	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	37,0
9.18*	Hàm lượng Stibi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (2023) (Ref AOAC 2015.01)	KPH (LOD: 0,010)
9.19*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.20*	Hàm lượng Aldrin & Dieldrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.21*	Hàm lượng Benzyl penicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.22*	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.23*	Hàm lượng Cyfluthrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.24*	Hàm lượng DDT	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.25*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.26*	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.27*	Hàm lượng Gentamicin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.28*	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.29*	Hàm lượng Procaine Benzylpenicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.30*	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1,0)
9.31*	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu Fructose, Glucose, Sucrose, Maltose và Lactose

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngõ Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 30682/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi thanh trùng có đường – nhãn hiệu Mộc Châu Milk
2. Mã số mẫu: 05258015/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 5.
NSX: Không có - HSD: Không có
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 22/05/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 22/05/2025 - 18/06/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CP GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
Địa chỉ: Số 912 đường Thảo Nguyên, Phường Thảo Nguyên,
Thị xã Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	0,15

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



★ **TS. Lê Thị Phương Thảo**